

Bản án số: 76/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 12/02/2026

V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC H2 - ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thiên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bành Quốc Trung
- Bà Bùi Thu Hảo

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực H2 - Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực H2 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực H2 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 464/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim L, sinh năm 2000. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp HT, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Kim T, sinh năm 1995. (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: Ấp T1, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn ngày 25/9/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Kim L trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị và anh T kết hôn vào năm 2022 sau thời gian quen biết và tìm hiểu nhau khoảng 5-6 năm, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Tháp) theo giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 21/6/2022. Sau khi cưới, chị về sống chung gia đình chồng. Sau đó, do đã có các anh chị chồng về sống cùng mẹ chồng chị nên chị xin được về sống bên nhà cha mẹ ruột của chị để có người giữ con cho chị đi làm, hiện chị đi làm công ty tư nhân tại CG, sáng đi chiều về. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến khoảng hơn 01 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T đi làm thường xuyên uống rượu

say xỉn, sau khi uống rượu thì anh T như trở thành con người khác, anh chị xảy ra cự cãi và có lần anh T còn đánh chị. Tình cảm vợ chồng rạn nứt khoảng 02 tháng trước khi chị nộp đơn ly hôn. Hiện khoảng 3-4 ngày, anh T có đến thăm con, mua sữa và mua đồ ăn cho con chứ không phụ tiền nuôi con. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng chị chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Thành D, sinh ngày 14/4/2022, hiện sống cùng chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn Kim T không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn dù anh đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực H2 - Đồng Tháp phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kim L. Cho chị Trần Thị Kim L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Kim T.

+ Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thành D, sinh ngày 14/4/2022 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng; buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D theo quy định pháp luật. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực H2 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị L xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn anh T vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị L, nhận thấy:

- Vợ chồng chị kết hôn vào năm 2022, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện GC, tỉnh Tiền Giang (nay thuộc xã Đ,

tỉnh Đồng Tháp) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 21/6/2022 nên là hôn nhân hợp pháp.

- Theo lời trình bày của chị L: Cuộc sống chung của vợ chồng chị hạnh phúc đến năm 2025 phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh T đi làm thường xuyên uống rượu và bạo lực gia đình. Hiện chị và anh T đã không còn chung sống, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh T nhưng anh không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị L. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xem như anh T mặc nhiên thừa nhận những mâu thuẫn vợ chồng như chị L đã nêu và điều này cho thấy anh cũng không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc, không quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị được ly hôn với anh T là cần thiết và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung:

- Anh chị chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Thành D, sinh ngày 14/4/2022. Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung của chị L nhận thấy: Cháu D hiện sống cùng chị đã ổn định cuộc sống về mọi mặt và anh T cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu này của chị. Do đó, việc giao cháu D cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh T không trực tiếp nuôi con nên anh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, do chị L không cung cấp được chứng cứ về thu nhập hiện tại của anh T cũng như tài liệu, chứng cứ về các khoản chi phí hàng tháng để nuôi dưỡng con chung nên yêu cầu của chị L chỉ có căn cứ chấp nhận một phần, bởi lẽ: Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình xác định thu nhập của anh T thuộc trường hợp lao động phổ thông và xác định mức cấp dưỡng nuôi con mà anh T phải thực hiện mỗi tháng tại thời điểm hiện nay là 1/2 tháng lương tối thiểu vùng nơi anh T cư trú tương ứng 1.850.000 đồng/tháng/người con (lương tối thiểu vùng căn cứ theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động). Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi, lao động được.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Chị L yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực H2 - Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kim L. Cho chị Trần Thị Kim L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Kim T.

2. Về nuôi con chung:

- Giao cháu Nguyễn Thành D, sinh ngày 14/4/2022 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D với mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật là 1.850.000 (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng/tháng/người con, thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi, lao động được.

- Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001267 ngày 17/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên xem như chị đã nộp xong án phí.

- Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND khu vực H2 - ĐT;
- THADS tỉnh ĐT;
- UBND xã Đ, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thiên